

CÔNG TY TNHH
NGUYỄN HOÀNG KIÊN GIANG

Số: 0904/2026/QĐ-NHKG

Về việc: Công bố công khai năng lực
về hoạt động thí nghiệm chuyên
ngành xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 09 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SỞ XÂY DỰNG CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số: 12760
Ngày: 14/04/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:



Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ GCN số: 111/GCN-BXD ngày 21 tháng 04 năm 2023 về việc công nhận Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật và Vật liệu xây dựng LAS-XD 1565.

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực: **Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 1702040816 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 06/03/2016, lần 4 ngày 16 tháng 07 năm 2025.

Mã số thuế: 1702040816

Địa chỉ: Số 51/10 Đường Sư Vạn Hạnh, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0973.550.363 – Website: www.nguyenhoangkg.vn - Email:

Ctynguyenhoangkg@gmail.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và Vật liệu xây dựng Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang**

Địa chỉ: Số 51/10 Đường Sư Vạn Hạnh, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0973.550.363 – Website: www.nguyenhoangkg.vn - Email:

Ctynguyenhoangkg@gmail.com

(Kế thừa năng lực, kinh nghiệm, nhân sự, thiết bị của Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và Vật liệu xây dựng LAS-XD 1565 do Bộ Xây Dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 111/GCN-BXD ngày 21/04/2023)

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này)
4. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này)

5. Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*)
6. Tất cả các nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: www.nguyenhoangkg.vn

Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

**CÔNG TY TNHH NGUYỄN HOÀNG
KIÊN GIANG**

Nơi nhận:

- Web: www.nguyenhoangkg.vn
- Sở xây dựng tỉnh An Giang
- Lưu VT



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Cường

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG
ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Kèm theo quyết định số 0904/2026/QĐ-NHKG, ngày 09/04/2026 của Công ty TNHH Nguyễn
Hoàng Kiên Giang)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
I. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1.	Xác định độ mịn của xi măng, Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188 - 23, ASTM C204 - 24; ASTM C430-2017 ; AASHTO T133 - 22, AASHTO T153 - 22, ASHTO T192 - 23	Sàng (kích thước mắt 0,09;0.08;0.045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả.
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M -23	Sàng , máy trộn, khuôn (4x4x16cm),50x50x50mm máy dẫn (điển hình), máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy nén (tăng tải 2400±200N/s), tủ dưỡng nhiệt ấm, ...
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187 - 23, ASTM C191-21; AASHTO T131 - 23	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đong, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,
II. THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GÓC			
4.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật 1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...
5.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M - 19; AASHTO T27 - 23; BS EN 933-1 : 2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 °C, Máy lắc sàng .
6.	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng (5; 2,5;1,25;0,63;0,315; 0,14mm), kính lúp,tủ sấy...
7.	Xác định khối lượng riêng; khối	TCVN 7572-4:2006 ;	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ

	lượng thể tích và độ hút nước	ASTM C128 - 22; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, bình hút ẩm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm
8.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$.
9.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M-23 ; AASHTO T19/T19M -22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đóng, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thước lá kim loại.
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ; ASHTO T255 - 22	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, hộp đựng mẫu.
11.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-23, ASTM C142/C142M-23; AASHTO T112-23; BS EN 933-1:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.
12.	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.
13.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012 - 23	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu,
14.	Xác định độ nén dập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén model: TYA-2000kN/0.1kN, xi lanh bằng thép ϕ 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm;2.5mm;1,25mm, tủ

			sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thùng ngâm mẫu.
15.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16; AASHTO T96-22	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, máy quay mài mòn Los Angeles.
16.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23; BS EN 933-3-12, BS EN 933-4-08, BS EN 933-5-22;	Cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C
17.	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật 30kg (5g), bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy 300 ⁰ C (±1 oC), búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu.
III. THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
18.	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
19.	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
20.	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm, đồng hồ bấm giây
21.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23; BS EN 12350-2:2019	Côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.
22.	Xác định phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật 30kg (1g); sàng tiêu chuẩn 5mm, 1.25mm, 0.15mm, tủ sấy 300 ⁰ c /±1 ⁰ C), bay, xèng

			xúc mẫu
23.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; AASHTO T22M/T22-22; BS EN 12390-3:2019:	Máy nén TYA -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải
IV. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG			
24.	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp.
25.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén 300kN, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo, máy cắt.
26.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo.
27.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.
28.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.
29.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng 0,2mm, tủ sấy 300 ⁰ C/1 °C, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa...
V. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
30.	Xác định kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước thép dài 500mm,1000mm (1mm), thước kẹp điện tử 200mm (0.01mm).
31.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999	Máy nén TYA 2000kN (d=0,1kN), bay, chảo, các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày ≥ 15mm
32.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, thùng ngâm mẫu
33.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy mài, cân kỹ thuật có độ chính xác 1 g
VI. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG			
34.	Xác định kiểm tra kích thước, màu	TCVN 6477:2016	Thước thép dài 500mm, 1000mm

	sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông		(1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)
35.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật 30kg (1g), Thước lá kim loại dài 500mm, tấm kính, cát tiêu chuẩn khô, cọ quét, mui xúc cát
36.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy nén TYA 2000kN (d=0,1kN), bộ gá nén mẫu 200x400mm, Thước lá thép, tấm kính, bay, chảo
37.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy đến 300°C (±1 °C) , cân kỹ thuật 30kg(1g).
VII.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
38.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa
39.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300°C/1°C, tỷ trọng kế, bếp cách cát.
40.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300°C/1°C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)
41.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300°C/1°C
42.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300°C/1°C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.
43.	Xác định sức chống cắt trên máy	TCVN 4199:1995;	Máy cắt một phẳng – Loại A: lực



	cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	ASTM D3080/D3080M-23	cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.
44.	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-20; AASHTO T216-22	Máy nén lún (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng đồng hồ so 10mm (0,01mm), dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g)
45.	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), bình hút ẩm.
46.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C), hộp nhôm
47.	Xác định đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất; khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm; tỷ lệ hạt quá cỡ; tỷ trọng khối của hạt quá cỡ; khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh; độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHTO T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C), hộp nhôm
48.	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166/D2166M-24	Máy nén 1 trục (Qu), tốc độ 1mm/ph, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ dưỡng hồ model: HBY-40B 27 ± 2 ⁰ c, độ ẩm > 90%...
49.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân kỹ phân tích có độ chính xác d=0.0001g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ C/1°C, cối đầm tiêu chuẩn, sàng 2.5mm, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm,

			dụng cụ nghiên mẫu, đồng hồ bấm giây...
VIII.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN		
50.	Thử kéo (thử kéo kim loại, mỗi nối)	TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24; JIS Z2241 - 22	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW- 1000kN/0.1kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.
51.	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370 -24; JIS Z2248 : 2022	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW- 1000kN/0.1kN; bộ gối uốn
52.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190 -21	Máy thử độ bền kéo nén : 1000kN/0.1kN, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép
53.	Thử kéo mối hàn kim loại – thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010	Máy thử độ bền kéo nén : 1000kN/0.1kN, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép
54.	Thử cấp độ bền kéo, cắt bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370-24, ASTM F606/F606M-21	Máy thử độ bền kéo nén model: WEW- 1000kN/0.1kN, bộ chuông kéo bu lông, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm
55.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018; AWS D1.1/D1.1M-20	Thiết bị kiểm tra từ tính- model MP - A2D, bột từ
IX.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
56.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927-22; AASHTO T245-22;	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60oC, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.
57.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164-22; ASTM D2172/D2172M-24	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...
58.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27-23; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng
59.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, cân,



	bê tông nhựa		giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu...
X.	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT		
60.	Xác định độ dày tiêu chuẩn, độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D 5199 -19	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ so
61.	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261-18, ASTM D3776-20	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, thước lá kim loại 1000mm/1mm.
62.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533/4533M- 15(2023)	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN
63.	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632/4632M- 15a(2023)	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN
64.	Xác định cường độ khi kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595/4595M-24	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN
65.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241-22; ISO 12236:2006	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN và đầu xuyên
66.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833/4833M- 07(2020)	Máy thử kéo nén model: WDW 100kN/0.001kN và đầu xuyên
XI.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
67.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, 22TCN 02 :1971.	<i>Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn</i>
68.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; 22TCN 346 :2006.	<i>Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn</i>
69.	Xác định độ bằng phẳng của mặt	TCVN 8864:2011	<i>Thước 3m, nệm đo khe hở, cọ</i>

	đường bằng thước 3m		quét
70.	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm
71.	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm
72.	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bịt nảy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M -18	Thiết bị súng bịt nảy bê tông
73.	Cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143/D1143M-20	Kích thủy lực 0÷2500kN; đồng hồ so 0÷100mm
74.	Đất xây dựng - phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395 - 17	Tấm ép phẳng 50x50cm, kích thủy lực 0÷1000kN, đồng hồ so 0÷100mm
75.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất
76.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006, TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-20	Máy nén hiệu TYA-300 300kN/0,01kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, máy khoan.
77.	Kiểm tra hàm lượng nhựa tươi trên 1m ²	TCVN 8863:2011	Khay tole (25x40)cm, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g
78.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	Bộ thiết bị xuyên tiêu chuẩn SPT
79.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường FVT	ASTM D2573:94	Bộ thiết bị cắt cánh hiện trường

DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Kèm theo quyết định số 0904/2026/QĐ-NHKG, ngày 09/04/2026 của Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang)

STT	Tên thiết bị	Model	Số lượng	Xuất xứ	Đặc trưng kỹ thuật
I	Các thiết bị thí nghiệm của vữa, xi măng				
1	Khuôn (5x5x5) cm		5	TQ	
2	Thiết bị đo độ co ngót của xi măng		1	TQ	Đồng hồ đo giãn nở độ chính xác 0,001mm
3	Khuôn (4 x 4 x 16)		5	TQ	
4	Máy nén nén, uôn TYA-300	TYA300	1	VN	300KN
5	Bộ kim vika		1	TQ	
6	Bộ gá nén, uôn mẫu xi măng, vữa		1	TQ	
7	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn		1	TQ	
II	Bê tông và hỗn hợp bê tông				
8	Máy nén bê tông TYA-2000	TYA-2000	1	TQ	2000KN
9	Bộ cô thí nghiệm độ sụt		1	VN	
10	Máy khoan bê tông		03	TQ	
11	Súng bật nảy	ZC3-A	01	TQ	
	Máy cắt bàn		01	VN	
III	Cốt liệu cho bê tông và vữa				
12	Máy mài mòn Los Angeles		1	TQ	
13	Thiết bị xác định tạp chất hữu cơ		15	TQ	
14	Thước đo hạt thoi dẹt		10	VN	
15	Xi lanh thử nén đập	D75, D150	2	VN	
16	Thùng thử lượng bùn sét đá, cát		1	TQ	
17	Thùng định lượng tiêu chuẩn		1	VN	
18	Bộ sàng cát D200		1	TQ	
19	Bộ sàng đá D300		1	TQ	
20	Bảng so màu cát		1	TQ	
IV	Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng				
21	Cối chày sứ có đầu bọc cao su		2	TQ	
22	Cối chày đồng		2	TQ	
23	Dụng cụ casagrande		1	TQ	
24	Tủ sấy		1	TQ	
25	Cân đĩa		03	TQ	
26	Bộ thiết bị chảy, dẻo		01	TQ	
27	Dao vòng		30	TQ	
28	Tỷ trọng kế		2	TQ	
29	Máy cắt phẳng		01	TQ	
30	Bàn nén tam liên		05	TQ	
31	Máy đầm tự động		01	TQ	
32	Cối chày đầm tiêu chuẩn		01	TQ	

STT	Tên thiết bị	Model	Số lượng	Xuất xứ	Đặc trưng kỹ thuật
33	Cối chày đầm cải tiến		01	TQ	
34	Hộp lấy mẫu lớn, nhỏ		50	VN	
35	Khay đựng mẫu		04	VN	
36	Thùng rửa mẫu		01	VN	
37	Bình tỷ trọng kế 1000ml		10	VN	
V	Kim loại, môi hàn				
38	Máy thử kéo, uốn WEB-1000B	WEB-1000B	1	TQ	1000KN
39	Bộ ngàm kẹp kéo thép		01	TQ	
40	Bộ gôi uốn thép		01	TQ	
41	Máy cắt thép		01	TQ	
42	Bộ ngàm kẹp bu lông chuyên dụng		01	TQ	
43	Gông từ kiểm tra đường hàn		01	TQ	
VI	Bê tông nhựa, nhựa đường				
44	Máy quay li tâm tách nhựa		08	TQ	0 - 2800V/P
45	Giấy lọc		100	TQ	
VII	Thí nghiệm hiện trường				
46	Máy khoan địa chất XY-1A		02	TQ	
47	Giàn thử tải đất nền		01	VN	
48	Bộ thí nghiệm dao đai		02	TQ	
49	Bộ thí nghiệm rót cát		02	TQ	
50	Thước 3m đo độ bằng phẳng		01	TQ	
51	Kích thủy lực 20 tấn		02	TQ	
52	Đồng hồ đo biến dạng		10	TQ	
53	Tấm ép cứng đường kính 76cm		01	TQ	
54	Bộ cân Benkelman		01	TQ	
55	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)		02	TQ	
56	Bộ thí nghiệm cát cánh hiện trường (FV)		01	TQ	
57	Kích thủy lực 200T + hệ đàm, giá...		02	TQ	
58	Đồng hồ chuyên vị		08	TQ	
59	Súng bật nảy kiểm tra cường độ bê tông hiện trường		01	TQ	
60	Máy đo điện trở		01	Nhật Bản	
VIII	Thử nghiệm vải địa, bắc thấm				
61	Máy kéo, nén vạn năng 100kN	WDW-100	01	TQ	100KN/0,01 KN
62	Bộ gá thí nghiệm xuyên thùng thanh		01	VN	
63	Bộ gá thí nghiệm kháng bụi		01	VN	
64	Bộ ngàm xé rách hình thang vải địa		01	VN	
65	Bộ ngàm kéo đứt, độ giãn dài		01	VN	
66	Bộ ngàm kéo giật		01	VN	

Hết

DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
(Kèm theo quyết định số 0904/2026/QĐ-NHKG, ngày 09/04/2026 của Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên công tác
1	2	3	4	5
1	Nguyễn Tấn Bảo	<p>Kỹ sư xây dựng Chứng chỉ QL PTN theo ISO/IEC 17025:2017 Chứng chỉ Kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp bột từ (MT), Bậc 2 Chứng chỉ Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của Bê tông, nhựa và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Chứng chỉ Thí nghiệm viên thí nghiệm tính chất cơ lý của gạch và ngói lợp Chứng chỉ Thí nghiệm viên Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải cọc</p>	Trưởng phòng thí nghiệm	4 năm
2	Tiêu Vĩnh Xén	<p>Kỹ sư xây dựng Chứng chỉ QL PTN Chứng chỉ TNV chuyên ngành giao thông Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Chứng chỉ TNV thí nghiệm, kiểm định sơn,</p>	Phó phòng thí nghiệm	7 năm

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên công tác
		thạch cao, ván gỗ và vải địa kỹ thuật		
3	Phạm Văn Quân	Cử nhân địa chất Chứng chỉ QL PTN Chứng chỉ hành nghề Khảo sát địa chất công trình	Thí nghiệm viên	5 năm
4	Danh Thành Đạt	Cao đẳng Xây dựng Chứng chỉ Thí nghiệm viên Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải cọc	Thí nghiệm viên	3 năm
5	Trần Trung Huấn	Cao đẳng Xây dựng Chứng chỉ Thí nghiệm viên Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải cọc Chứng chỉ TNV Thí nghiệm tính chất cơ lý của Thép xây dựng Chứng chỉ TNV thí nghiệm Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất, đá trong phòng và hiện trường Chứng chỉ TNV thử nghiệm các tính chất cơ - lý của xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông	Thí nghiệm viên	7 năm
6	Mai Tuấn Vinh	Chứng chỉ TNV chuyên ngành giao thông Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của Bê tông và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	7 năm
7	Nguyễn Trọng Thủy	Cao đẳng Xây dựng Chứng chỉ TNV chuyên ngành giao thông	Thí nghiệm viên	3 năm

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc thành lập Phòng thí nghiệm thuộc Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang)

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 1702040816 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 06/03/2016, lần 4 ngày 16 tháng 07 năm 2025;
- Căn cứ Giấy chứng nhận số 111/GCN-BXD ngày 21/04/2023 của Bộ Xây dựng công nhận Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và Vật liệu xây dựng LAS-XD 1565 thuộc Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;
- Căn cứ năng lực, chuyên môn của cán bộ, nhân viên Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Phòng thí nghiệm thuộc Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang gồm các Ông có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ
1	Nguyễn Tấn Bảo	Kỹ sư XD	Trưởng phòng TN
2	Tiêu Vĩnh Xén	Kỹ sư XD	Phó phòng TN
3	Danh Thành Đạt	Cao đẳng XD	Thí nghiệm viên
4	Trần Trung Huân	Cao đẳng XD	Thí nghiệm viên
5	Mai Tuấn Vinh	Cao đẳng XD	Thí nghiệm viên
6	Nguyễn Trọng Thủy	Cao đẳng XD	Thí nghiệm viên

Điều 2: Phòng Thí nghiệm được đặt tại địa chỉ Số 51/10 Đường Sư Vạn Hạnh, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang

Điều 3: Phòng thí nghiệm có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ các phép thử được Bộ Xây dựng công nhận đảm bảo tính khách quan, trung thực.



Điều 4: Các Trưởng, phó phòng và các bộ phận chuyên môn Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu văn thư;

**CÔNG TY TNHH NGUYỄN HOÀNG
KIÊN GIANG**



GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]
Hoàng Văn Cường



QUYẾT ĐỊNH

(Về việc Bổ nhiệm Trưởng phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 1702040816 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 06/03/2016, lần 4 ngày 16 tháng 07 năm 2025;
- Căn cứ Giấy chứng nhận số 111/GCN-BXD ngày 21/04/2023 của Bộ Xây Dựng công nhận Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và Vật liệu xây dựng LAS-XD 1565 thuộc Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Kiên Giang;
- Xét năng lực, chuyên môn của nhân viên, cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng thí nghiệm cho ông **Nguyễn Tấn Bảo** phụ trách Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng kể từ ngày 30/03/2026.

Điều 2: Quyền hạn và chức vụ:

- Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng đối với Trưởng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Bố trí và giám sát các phó phòng, thí nghiệm viên thực hiện thí nghiệm tại phòng và hiện trường; đơn đốc phó phòng, thí nghiệm viên hoàn thiện hồ sơ thí nghiệm; quản lý hồ sơ thí nghiệm của khách hàng; phiếu thí nghiệm;
- Quản lý trang thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm; lập kế hoạch vật tư, thiết bị phục vụ công tác hiệu chuẩn; bảo dưỡng và bảo trì trang thiết bị thí nghiệm;
- Điều động thiết bị thí nghiệm cho thí nghiệm viên hoàn thành tốt công việc;
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện nhiệm vụ mà lãnh đạo Công ty phân công.

Điều 3: Ông **Nguyễn Tấn Bảo** và các Trưởng bộ phận khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu văn thư;

CÔNG TY TNHH NGUYỄN HOÀNG
KIÊN GIANG



GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Cường